

NGHIÊN CỨU VỀ SỰ LO ÂU KHI NÓI TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN NGỮ TRONG BỐI CẢNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM

Nguyễn Thu Hằng

Trường Đại học FPT, Greenwich Việt Nam, Hà Nội

Tóm tắt: Lo âu khi nói tiếng Anh (Foreign Language Speaking Anxiety – FLSA) là hiện tượng phổ biến trong học ngoại ngữ và có liên hệ với kết quả học tập (Botes et al., 2020). Trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam, dù kỹ năng nói được chú trọng, nhiều sinh viên không chuyên ngữ vẫn gặp khó khăn khi giao tiếp, đặc biệt trong tình huống có đánh giá.

Nghiên cứu này nhằm xác định mức độ lo âu tiếng Anh và các yếu tố ảnh hưởng trong lớp học. Phương pháp hỗn hợp sử dụng, gồm khảo sát 25 mục (Cronbach's alpha = 0.87) với 250 sinh viên và phỏng vấn 20 sinh viên. Kết quả cho thấy sinh viên có mức lo âu từ trung bình đến cao, chủ yếu do sợ bị đánh giá tiêu cực và thiếu tự tin khi nói trước lớp. Các yếu tố chính gồm năng lực ngôn ngữ và môi trường lớp học. Nghiên cứu đề xuất điều chỉnh nhằm giảm lo âu và nâng cao hiệu quả kỹ năng nói.

Từ khóa: lo âu ngoại ngữ, kỹ năng nói, sinh viên không chuyên ngữ, giáo dục đại học Việt Nam.

A STUDY OF ENGLISH SPEAKING ANXIETY AMONG NON-ENGLISH-MAJOR STUDENTS IN THE CONTEXT OF VIETNAMESE HIGHER EDUCATION

Abstract: Foreign Language Speaking Anxiety (FLSA) is a common phenomenon in foreign language learning and is associated with academic performance (Botes et al., 2020). In the context of Vietnamese higher education, although speaking skills are increasingly emphasized, many non-English-major students still experience difficulties in communication, especially in evaluative situations. This study aims to identify the level of English speaking anxiety and the factors influencing it in the classroom. A mixed-methods approach was employed, including a 25-item survey (Cronbach's alpha = 0.87) administered to 250 students and interviews with 20 students. The results indicate that students experience moderate to high levels of anxiety, mainly due to fear of negative evaluation and lack of confidence when speaking in front of the class. The main contributing factors include language proficiency and the classroom environment. The study proposes several adjustments to help reduce anxiety and improve the effectiveness of speaking skills development.

Keywords: foreign language anxiety, speaking skills, non-English-major students, Vietnamese higher education.

Nhận bài: 04/03/2026

Phản biện: 26/03/2026

Duyệt đăng: 29/03/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lo âu trong học ngoại ngữ từ lâu đã được xem là một yếu tố cảm xúc quan trọng ảnh hưởng đến quá trình tiếp thu và sử dụng ngôn ngữ thứ hai. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng lo âu có mối liên hệ tiêu cực với kết quả học tập, đồng thời có thể làm suy giảm khả năng thực hiện ngôn ngữ của người học. Trong các kỹ năng ngôn ngữ, kỹ năng nói thường tạo ra nhiều áp lực nhất vì đòi hỏi người học phải xử lý ngôn ngữ trong thời gian thực và đối diện trực tiếp với sự đánh giá xã hội. Trong bối cảnh giáo dục đại học, đặc biệt đối với sinh viên không chuyên ngữ, việc sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp học thuật và nghề nghiệp ngày càng trở nên cần thiết. Tuy nhiên, nhiều sinh viên vẫn gặp lo âu khi tham gia các hoạt động nói, nhất là trong những tình huống phát biểu trước lớp hoặc bị đánh giá. Ở Việt Nam, mặc dù việc nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh cho sinh viên đã được chú trọng trong nhiều năm qua, lo âu khi nói tiếng Anh vẫn là một rào cản đáng kể, thường gắn với nỗi sợ bị đánh giá tiêu cực, sự thiếu tự tin và hạn chế về năng lực ngôn ngữ. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu hiện nay chủ yếu dừng ở việc

đo lường mức độ lo âu mà chưa làm rõ đầy đủ các yếu tố bối cảnh và trải nghiệm cụ thể của người học trong môi trường lớp học đại học. Từ khoảng trống đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu mức độ lo âu khi nói tiếng Anh của sinh viên không chuyên ngữ trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam, đồng thời phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiện tượng này trong lớp học.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Lo âu trong học ngoại ngữ: Góc nhìn từ các nghiên cứu trước

Lo âu trong học ngoại ngữ được xem là một trong những yếu tố cảm xúc quan trọng ảnh hưởng đến quá trình tiếp thu và sử dụng ngôn ngữ thứ hai. Trong nghiên cứu kinh điển, Horwitz và cộng sự (1986) đã khái niệm hóa lo âu ngoại ngữ như một hiện tượng tâm lý đặc thù, phát sinh trong các bối cảnh học ngoại ngữ và gắn với cảm giác căng thẳng, lo lắng và sợ hãi khi sử dụng ngôn ngữ mục tiêu. Tiếp đó, MacIntyre và Gardner (1994) chỉ ra rằng lo âu có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các quá trình nhận thức như tiếp nhận, xử lý và sản xuất ngôn ngữ.

Các nghiên cứu gần đây tiếp tục khẳng định mối quan hệ tiêu cực giữa lo âu và kết quả học tập ngoại ngữ. Tổng hợp từ nhiều nghiên cứu thực nghiệm, Botes và cộng sự (2020) cho thấy lo âu có liên hệ đáng kể với thành tích học tập, đồng thời có thể làm giảm mức độ tham gia của người học trong các hoạt động ngôn ngữ. Bên cạnh đó, lo âu không tồn tại độc lập mà có mối quan hệ tương tác với các yếu tố cảm xúc khác, như hứng thú và sự tự tin trong học tập (Dewaele & Li, 2022; Dewaele et al., 2023). Điều này cho thấy cần xem xét lo âu trong một hệ thống cảm xúc phức hợp thay vì như một biến đơn lẻ.

2.1.2. Lo âu khi nói tiếng Anh trong lớp học ngoại ngữ

Trong các kỹ năng ngôn ngữ, kỹ năng nói thường được xem là bối cảnh dễ phát sinh lo âu nhất. Khác với các kỹ năng tiếp nhận, hoạt động nói đòi hỏi người học phải xử lý ngôn ngữ trong thời gian thực, đồng thời đối mặt với sự đánh giá trực tiếp từ người nghe. Do đó, lo âu khi nói thường xuất hiện mạnh trong các tình huống như phát biểu trước lớp, thuyết trình hoặc tham gia thảo luận.

Các nghiên cứu cho thấy lo âu khi nói không chỉ phụ thuộc vào năng lực ngôn ngữ mà còn chịu ảnh hưởng của các yếu tố xã hội và tình huống. Cụ thể, người học có xu hướng lo âu cao hơn trong các tình huống có yếu tố đánh giá công khai hoặc khi họ cảm nhận năng lực của bản thân chưa đáp ứng yêu cầu giao tiếp (Botes et al., 2020; Dewaele & Li, 2022). Ngoài ra, môi trường lớp học, bao gồm cách tổ chức hoạt động và hình thức phản hồi, cũng có ảnh hưởng đáng kể đến mức độ lo âu của người học (Young, 1991; Dewaele et al., 2023).

Trong phạm vi nghiên cứu này, lo âu khi nói tiếng Anh được hiểu là trạng thái căng thẳng, lo lắng và e ngại mà sinh viên trải nghiệm khi tham gia các hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh trong lớp học, đặc biệt trong các tình huống có yếu tố đánh giá hoặc bị quan sát. Cách hiểu này cho phép phân biệt lo âu khi nói với các dạng lo âu chung khác trong học ngoại ngữ, đồng thời phù hợp với mục tiêu nghiên cứu tập trung vào kỹ năng nói trong bối cảnh lớp học đại học.

2.1.3. Lo âu khi nói tiếng Anh trong bối cảnh Việt Nam

Trong bối cảnh Việt Nam, việc học tiếng Anh đã được thúc đẩy mạnh mẽ trong hệ thống giáo dục, đặc biệt ở bậc đại học. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu cho thấy sinh viên không chuyên ngữ

vẫn gặp khó khăn đáng kể trong việc sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp, đặc biệt là kỹ năng nói.

Các nghiên cứu trong nước chỉ ra rằng lo âu khi nói tiếng Anh của sinh viên thường gắn với một số yếu tố chính. Trước hết là nỗi sợ bị đánh giá tiêu cực, đặc biệt trong các tình huống giao tiếp mang tính công khai như phát biểu trước lớp hoặc nói trước đám đông (Horwitz et al., 1986). Bên cạnh đó, sự thiếu tự tin và hạn chế về năng lực ngôn ngữ, bao gồm vốn từ vựng và khả năng phát âm, cũng là những nguyên nhân quan trọng dẫn đến lo âu (Ho & Truong, 2022). Ngoài ra, các yếu tố văn hóa như tâm lý sợ sai và ngại thể hiện bản thân cũng được cho là có ảnh hưởng đến mức độ lo âu của người học trong lớp học.

Mặc dù đã có một số nghiên cứu về lo âu khi nói tiếng Anh ở Việt Nam, phần lớn các nghiên cứu này tập trung vào việc đo lường mức độ lo âu hoặc xác định các yếu tố ảnh hưởng một cách định lượng. Trong khi đó, trải nghiệm cụ thể của người học trong các tình huống lớp học, cũng như vai trò của môi trường học tập trong việc hình thành lo âu, vẫn chưa được làm rõ đầy đủ.

2.1.4. Khung phân tích của nghiên cứu

Dựa trên các nghiên cứu trước, lo âu khi nói tiếng Anh trong nghiên cứu này được tiếp cận như một hiện tượng đa chiều, chịu ảnh hưởng đồng thời của ba nhóm yếu tố:

- (1) năng lực ngôn ngữ của người học;
- (2) yếu tố tâm lý cá nhân;
- (3) môi trường lớp học.

Khung phân tích này cho phép nghiên cứu không chỉ xác định mức độ lo âu mà còn làm rõ các yếu tố bối cảnh và trải nghiệm cụ thể của sinh viên trong lớp học đại học, qua đó góp phần bổ sung góc nhìn cho các nghiên cứu trước đây trong bối cảnh Việt Nam.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp nhằm kết hợp ưu điểm của cả hai cách tiếp cận định lượng và định tính trong việc thu thập, phân tích và đối chiếu dữ liệu về lo âu khi nói tiếng Anh của sinh viên không chuyên ngữ trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam. Cách tiếp cận này cho phép vừa xác định mức độ của hiện tượng, vừa khám phá sâu các yếu tố ảnh hưởng và trải nghiệm cụ thể của người học, từ đó nâng cao độ tin cậy và tính toàn diện của kết quả nghiên cứu. Công cụ định lượng được sử dụng là bảng câu hỏi khảo sát gồm hai phần: thông tin chung của người tham gia và các mục đo lường lo âu khi nói

tiếng Anh. Bảng hỏi được xây dựng dựa trên các nghiên cứu trước và điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh Việt Nam, gồm 25 mục xoay quanh ba nhóm nội dung chính là biểu hiện lo âu khi nói, yếu tố tâm lý cá nhân, và các yếu tố liên quan đến năng lực ngôn ngữ cũng như môi trường lớp học. Các mục hỏi sử dụng thang Likert 5 mức độ và thang đo cho thấy độ tin cậy tốt với Cronbach's alpha đạt 0,87. Trên cơ sở điểm trung bình toàn thang, người tham gia được phân loại thành các nhóm lo âu thấp, trung bình và cao để phục vụ phân tích mô tả và lựa chọn đối tượng phỏng vấn. Về mặt định tính, nghiên cứu sử dụng phỏng vấn bán cấu trúc nhằm khai thác sâu trải nghiệm của sinh viên liên quan đến các hoạt động nói, những tình huống gây lo âu, vai trò của giảng viên, môi trường lớp học và các chiến lược đối phó. Khảo sát được thực hiện theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện với 278 phiếu thu về, trong đó có 250 phiếu hợp lệ. Phỏng vấn chuyên sâu sử dụng chọn mẫu có chủ đích, với 20 sinh viên đại diện cho các mức độ lo âu khác nhau. Dữ liệu định lượng được phân tích bằng thống kê mô tả, còn dữ liệu định tính được xử lý theo phương pháp phân tích chủ

đề, kết hợp mã hóa diễn dịch và quy nạp. Toàn bộ quá trình nghiên cứu bảo đảm nguyên tắc đạo đức, bao gồm quyền tự nguyện tham gia, quyền rút lui và bảo mật thông tin cá nhân.

2.3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.3.1. Các biểu hiện lo âu khi nói tiếng Anh của sinh viên

Trong nghiên cứu này, “biểu hiện lo âu” được hiểu là những trạng thái hoặc phản ứng mà sinh viên trực tiếp trải nghiệm khi tham gia các hoạt động nói tiếng Anh, trong khi “yếu tố ảnh hưởng” là những nguyên nhân hoặc điều kiện làm gia tăng lo âu đó. Việc phân biệt hai khái niệm này cho phép phân tích rõ hơn bản chất của lo âu khi nói trong bối cảnh lớp học.

Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát mở cho thấy lo âu khi nói tiếng Anh là hiện tượng phổ biến ở sinh viên không chuyên ngữ. Tổng cộng có 142 lượt đề cập liên quan đến các biểu hiện lo âu được ghi nhận. Mỗi phản hồi mở có thể được mã hóa thành nhiều lượt đề cập nếu nội dung phản ánh nhiều khía cạnh khác nhau; do đó, tổng số lượt đề cập không tương ứng trực tiếp với số lượng người tham gia.

Bảng 1: Các biểu hiện lo âu khi nói tiếng Anh được sinh viên đề cập trong dữ liệu khảo sát mở

Biểu hiện lo âu	Số lượt đề cập
Sợ bị đánh giá tiêu cực	34
Thiếu tự tin khi nói trước lớp	29
Lo lắng khi bị gọi phát biểu đột xuất	25
Khó khăn về từ vựng và diễn đạt	21
Khó khăn về phát âm	15
Lo lắng trong các bài kiểm tra nói	12
Né tránh tham gia hoạt động nói	6
Tổng	142

Như thể hiện trong Bảng 1, các biểu hiện lo âu phổ biến nhất bao gồm nỗi sợ bị đánh giá tiêu cực, thiếu tự tin khi nói trước lớp và lo lắng khi bị gọi phát biểu đột xuất. Các biểu hiện này phản ánh rằng lo âu khi nói không chỉ xuất phát từ năng lực ngôn ngữ mà còn gắn với áp lực tâm lý và bối cảnh giao tiếp cụ thể trong lớp học.

Dữ liệu từ các cuộc phỏng vấn cũng củng cố kết quả khảo sát. Nhiều sinh viên cho biết họ cảm thấy căng thẳng khi phải tham gia các hoạt động nói, đặc biệt trong những tình huống không có sự chuẩn bị trước. Ví dụ:

“Em cảm thấy lo nhất là khi bị gọi bất ngờ.

Lúc đó em chưa chuẩn bị gì nên rất dễ nói sai, mà càng lo thì lại càng không nói được.” (SV05, năm 2)

“Em nghĩ là kỹ năng nói của em yếu nhất, nhất là phần phản xạ. Nhiều khi em hiểu nhưng không nói ra được, nên rất mất tự tin.” (SV12, năm 3)

Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu trước, trong đó lo âu được xem là yếu tố có thể làm suy giảm khả năng thực hiện ngôn ngữ và mức độ tham gia của người học (Botes et al., 2020). Đồng thời, trong bối cảnh lớp học đại học ở Việt Nam, nơi sinh viên thường có xu hướng e ngại mắc lỗi trước tập thể, các tình huống giao tiếp mang tính

đánh giá công khai có thể làm gia tăng cảm giác mất tự tin và dẫn đến xu hướng né tránh tham gia giao tiếp.

2.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến lo âu khi nói tiếng Anh

Bên cạnh các biểu hiện trực tiếp, kết quả nghiên cứu cho thấy lo âu khi nói tiếng Anh của sinh viên không chuyên ngữ chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau. Tổng cộng có 136 lượt đề cập liên quan đến các yếu tố ảnh hưởng được ghi nhận trong dữ liệu khảo sát mở.

Các yếu tố ảnh hưởng nổi bật nhất bao gồm nỗi sợ bị đánh giá tiêu cực, sự thiếu tự tin và hạn chế về năng lực ngôn ngữ. Điều này cho thấy lo âu khi nói không chỉ là một phản ứng tức thời mà còn là kết quả của sự tương tác giữa các yếu tố tâm lý, năng lực và môi trường học tập.

Nỗi sợ bị đánh giá tiêu cực được xem là yếu tố trung tâm trong việc hình thành lo âu. Nhiều sinh viên cho biết họ cảm thấy áp lực khi phải nói trước lớp do lo ngại mắc lỗi và bị đánh giá bởi giảng viên hoặc bạn học. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Nguyen và Pham (2021), trong đó nỗi sợ bị đánh giá tiêu cực được xác định là nguyên nhân chính dẫn đến lo âu khi nói ở sinh viên Việt Nam.

Bên cạnh đó, hạn chế về năng lực ngôn ngữ, đặc biệt là vốn từ vựng và khả năng phản xạ, cũng góp phần làm gia tăng lo âu. Một số sinh viên mô tả trạng thái “biết nhưng không nói được”, cho thấy lo âu có thể ảnh hưởng đến khả năng huy động nguồn lực ngôn ngữ trong quá trình giao tiếp. Ví dụ:

“Có nhiều lúc em biết mình muốn nói gì nhưng không tìm được từ phù hợp, nên đành im lặng. Điều đó làm em càng mất tự tin hơn.” (SV08, năm 1)

Nhận định này tương đồng với các nghiên cứu trước, trong đó lo âu được cho là có liên hệ với quá trình xử lý ngôn ngữ của người học (MacIntyre & Gardner, 1994; Botes et al., 2020).

Ngoài ra, môi trường lớp học cũng được xác định là một yếu tố quan trọng. Các hoạt động mang tính đánh giá công khai hoặc phản hồi tiêu cực có xu hướng làm gia tăng lo âu, trong khi các hoạt động mang tính hợp tác và môi trường học tập thân thiện có thể giúp giảm áp lực cho người học. Điều này phù hợp với quan điểm của Young (1991) và các nghiên cứu gần đây về vai trò của môi trường lớp học trong việc định hình cảm xúc của người học (Dewaele et al., 2023).

Từ các kết quả trên, có thể thấy lo âu khi nói

tiếng Anh của sinh viên không chuyên ngữ là kết quả của sự tương tác giữa nhiều yếu tố, bao gồm năng lực ngôn ngữ, yếu tố tâm lý cá nhân và môi trường lớp học. Việc hiểu rõ mối quan hệ này là cơ sở quan trọng để đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm giảm lo âu và nâng cao hiệu quả học tập kỹ năng nói.

2.4. Đề xuất

Từ các kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm giảm lo âu khi nói tiếng Anh và nâng cao hiệu quả học tập kỹ năng nói của sinh viên không chuyên ngữ:

- Giảng viên cần thiết kế hoạt động nói theo hướng tăng dần mức độ tham gia, bắt đầu từ các hoạt động cặp đôi hoặc nhóm nhỏ trước khi chuyển sang các hình thức trình bày trước lớp, nhằm giúp sinh viên từng bước xây dựng sự tự tin trong giao tiếp.

- Trong quá trình giảng dạy, giảng viên nên ưu tiên phản hồi sau khi sinh viên hoàn thành lượt nói thay vì ngắt lời để sửa lỗi trực tiếp, nhằm giảm áp lực tâm lý và duy trì dòng giao tiếp của người học.

- Cần lồng ghép các hoạt động luyện tập từ vựng và phản xạ ngôn ngữ vào các học phần kỹ năng nói, giúp sinh viên cải thiện khả năng diễn đạt và giảm cảm giác “biết nhưng không nói được”.

- Các học phần kỹ năng nói nên tích hợp nội dung hướng dẫn chiến lược đối phó với lo âu, chẳng hạn như kỹ thuật chuẩn bị trước, kiểm soát căng thẳng và tự điều chỉnh cảm xúc trong quá trình giao tiếp.

- Nhà trường và giảng viên cần phối hợp xây dựng môi trường lớp học hỗ trợ, khuyến khích thử nghiệm và chấp nhận sai sót, từ đó giảm bớt nỗi sợ bị đánh giá tiêu cực và tăng cường sự tham gia của sinh viên.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã xác định một số vấn đề chính liên quan đến lo âu khi nói tiếng Anh của sinh viên không chuyên ngữ trong bối cảnh giáo dục đại học. Kết quả cho thấy lo âu là một hiện tượng phổ biến, đặc biệt trong các tình huống giao tiếp mang tính đánh giá công khai. Những trở ngại này bao gồm nỗi sợ bị đánh giá tiêu cực, sự thiếu tự tin khi tham gia giao tiếp, hạn chế về năng lực ngôn ngữ, cũng như ảnh hưởng từ môi trường lớp học và cách tổ chức hoạt động giảng dạy. Các yếu tố này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và tác động trực tiếp đến mức độ tham gia cũng như hiệu quả học tập kỹ năng nói của sinh viên.

Lo âu khi nói tiếng Anh không chỉ phản ánh hạn chế về năng lực ngôn ngữ mà còn gắn với yếu tố tâm lý và đặc điểm của môi trường học tập. Trong bối cảnh Việt Nam, nơi sinh viên thường có xu hướng e ngại mắc lỗi trước tập thể, các tình huống giao tiếp mang tính đánh giá công khai có thể làm gia tăng cảm giác mất tự tin và dẫn đến xu hướng né tránh tham gia giao tiếp. Đồng thời, các hạn chế về từ vựng, phát âm và khả năng phản xạ cũng làm cho người học gặp khó khăn trong việc diễn đạt ý tưởng, từ đó làm gia tăng lo âu trong quá trình sử dụng ngôn ngữ.

Bên cạnh đó, môi trường lớp học và phương pháp giảng dạy đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và duy trì lo âu khi nói. Khi hoạt động học tập thiên về đánh giá và thiếu cơ hội thực

hành trong môi trường an toàn, sinh viên có xu hướng giảm mức độ tham gia. Ngược lại, các hoạt động mang tính hợp tác và môi trường học tập hỗ trợ có thể góp phần giảm áp lực và tăng cường sự tự tin của người học.

Bên cạnh những kết quả đạt được, nghiên cứu vẫn tồn tại một số hạn chế. Trước hết, việc sử dụng mẫu thuận tiện làm hạn chế khả năng khái quát hóa kết quả cho toàn bộ sinh viên không chuyên ngữ ở Việt Nam. Bên cạnh đó, dữ liệu chủ yếu dựa trên tự báo cáo của người tham gia nên có thể chịu ảnh hưởng của thiên lệch chủ quan. Ngoài ra, số lượng người tham gia phỏng vấn còn hạn chế, do đó cần có thêm các nghiên cứu với mẫu rộng hơn và thiết kế phân tích sâu hơn trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Botes, E., Dewaele, J.-M., & Greiff, S. (2020). The foreign language classroom anxiety scale and academic achievement: An overview of the prevailing literature and a meta-analysis. *The Journal for the Psychology of Language Learning*, 2(1), 26–56.
- Dewaele, J.-M., Botes, E., & Greiff, S. (2023). Sources and effects of foreign language enjoyment, anxiety, and boredom: A structural equation modeling approach. *Studies in Second Language Acquisition*, 45(2), 461–479.
- Dewaele, J.-M., & Li, C. (2022). Foreign language enjoyment and anxiety: Associations with general and domain-specific English achievement. *Chinese Journal of Applied Linguistics*, 45(1), 32–48.
- Ho, D. P. K., & Truong, T. N. N. (2022). Exploring Vietnamese non-English-majored freshmen's English-speaking anxiety at a public university in Vietnam. *VNU Journal of Foreign Studies*, 38(5).
- Horwitz, E. K., Horwitz, M. B., & Cope, J. (1986). Foreign language classroom anxiety. *The Modern Language Journal*, 70(2), 125–132.
- MacIntyre, P. D., & Gardner, R. C. (1994). The subtle effects of language anxiety on cognitive processing in the second language. *Language Learning*, 44(2), 283–305.
- Young, D. J. (1991). Creating a low-anxiety classroom environment: What does language anxiety research suggest? *The Modern Language Journal*, 75(4), 426–439.